

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-ST

Ngày: 12-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Tuyền
2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2021/QĐST-DS ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn X, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* - Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

- Anh Trần Thanh P, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên nguyên đơn ông Võ Văn X trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 05/02/2020, ông có cho anh Trần Thanh P và chị Huỳnh Thị T vay số tiền 200.000.000 đồng. Việc vay tiền có làm giấy tay, do anh P viết và anh P, chị T có ký tên vào “Giấy mượn tiền”. Lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Cụ thể đến ngày 05/8/2020, anh P và chị T phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ nêu trên

nhưng anh P, chị T không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu anh P, chị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền nợ 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/02/2020 đến ngày 05/4/2021 với số tiền là 28.000.000 đồng. Tổng cộng là 228.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông có thay đổi yêu cầu tính tiền lãi với lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng và yêu cầu tính lãi từ ngày ông P, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 06/8/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án làm tròn là 15 tháng với số tiền là 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng = 24.900.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên từ ngày 05/02/2020 đến ngày 05/8/2020. Ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 3.100.000 đồng.

Bị đơn chị Huỳnh Thị T vắng mặt nhưng có lời khai:

Chữ ký và chữ viết tên trong giấy mượn tiền ngày 05/02/2020 là của chị và anh P. Số tiền nợ 150.000.000 đồng anh P thua cờ bạc. Ông X nói chị ký tên vào giấy mượn tiền, sau đó ông X và anh P sẽ tự tính. Sau khi ký tên vào giấy mượn tiền thì chị đi sanh con nên không biết anh P có nhận của ông X thêm 50.000.000 đồng nữa hay không. Số tiền 200.000.000 trong giấy mượn tiền là tiền cờ bạc của cá nhân anh P, không có sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của vợ chồng, chị không có liên quan gì đến số tiền này nên chị không đồng ý cùng anh P trả nợ cho ông X.

Bị đơn anh Trần Thanh P đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời anh đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng anh P vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh P, chị T không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X về việc yêu cầu chị T, anh P có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 224.900.000 đồng, trong đó có 24.900.000 đồng tiền lãi. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X đối với số tiền lãi 3.100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông X khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Thị T và anh Trần Thanh P đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Thanh P, chị Huỳnh Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P, chị T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Anh P, chị T vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như anh P, chị T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông X nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các chứng cứ Tòa án đã thu thập được để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Ông X yêu cầu chị T, anh P có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi vay tổng cộng là 224.900.000 đồng. Chứng cứ ông X cung cấp là giấy mượn tiền ngày 05/02/2020 có nội dung anh P, chị T có mượn của ông Võ Văn X số tiền 200.000.000 đồng sáu tháng sau sẽ trả. Giấy mượn tiền có chữ ký tên của anh P, chị T và chữ ký của người làm chứng bà Nguyễn Thị T. Theo đó ông X cho rằng sau khi hết thời hạn 06 tháng (vào ngày 05/8/2020) anh P, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông nên ông khởi kiện. Chị T thì cho rằng số tiền nợ nêu trên là tiền cờ bạc cá nhân của anh P, không có sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng, không liên quan đến chị nên chị không đồng ý trả. Tuy nhiên, chị T thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong giấy mượn tiền ngày 05/02/2020 là chữ ký và chữ viết của chị và anh P. Sự thừa nhận của chị T là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hơn nữa, theo ông X thì giấy mượn tiền do anh P viết khi anh P, chị T mượn tiền. Điều này phù hợp với lời trình bày của người làm chứng chị Nguyễn Thị T là chị có trực tiếp chứng kiến việc anh P, chị T vay của ông X 200.000.000 đồng và trực tiếp chứng kiến anh P, chị T viết, ký tên vào giấy mượn tiền. Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị T, anh P có vay tiền của ông X. Chị T cho rằng đây là tiền cờ bạc cá nhân của anh P nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, chị T và anh P là vợ chồng hợp pháp, cùng ký tên vào giấy mượn tiền nên cần buộc anh P và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông X số tiền nợ 200.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Ông X yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 05/02/2020 đến ngày 05/4/2021 là 14 tháng với lãi suất là 1%/tháng là $200.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 28.000.000 \text{ đồng}$. Tại phiên tòa ông có thay đổi yêu cầu tính tiền lãi với lãi suất theo quy định của pháp

lượt là 0,83%/tháng và yêu cầu tính lãi từ ngày ông P, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 06/8/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án làm tròn là 15 tháng với số tiền là 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng = 24.900.000 đồng. Xét thấy, anh P, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận. Hơn nữa, việc thay đổi yêu cầu tính lãi suất của ông X không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận. Ông X không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền nêu trên từ ngày 05/02/2020 đến ngày 05/8/2020 nên ghi nhận. Ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 3.100.000 đồng nên đình chỉ đối với phần yêu cầu này của ông X.

Như phân tích nêu trên thì toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông X được chấp nhận nên chị Huỳnh Thị T và anh Trần Thanh P phải chịu án phí theo quy định là 224.900.000 đồng x 5% = 11.245.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho ông Võ Văn X.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Huỳnh Thị T, anh Trần Thanh P.

Buộc chị Huỳnh Thị T, anh Trần Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Văn X số tiền nợ tổng cộng là 224.900.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu chính trăm nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và 24.900.000đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Ghi nhận việc ông X không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 05/02/2020 đến ngày 05/8/2020.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị T, anh Trần Thanh P trả số tiền lãi là 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Thanh P phải liên đới chịu 11.245.000đ (Mười một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Võ Văn X số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) mà ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0007472 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang